

CÔNG TY TNHH TDN GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TDN GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TDN GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TDN GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0109521346

3. Ngày thành lập: 05/02/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 23, tòa nhà Vinaconex 9, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0814908884

Fax:

Email: info@tdngroup.vn

Website: www.tdngroup.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
2.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
3.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
4.	Sửa chữa thiết bị điện	3314(Chính)
5.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
6.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi; Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che; Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất; Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hóa, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự; Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự; Phục hồi đàn organ và nhạc cụ tương tự.	3319
7.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
8.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
9.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
10.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
11.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
12.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
13.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
14.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
15.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
16.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100

17.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
18.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
19.	Xây dựng nhà để ở	4101
20.	Xây dựng nhà không để ở	4102
21.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
22.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
23.	Xây dựng công trình điện	4221
24.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
25.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
26.	Xây dựng công trình thủy	4291
27.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời; - Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ: đắp, mở rộng đường, cơ sở hạ tầng công...)	4299
28.	Phá dỡ	4311
29.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
30.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống chống sét, chống trộm; Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4321
31.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
32.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này; - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
33.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

34.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Đào giếng (trong ngành khai thác mỏ), + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
35.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
36.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
37.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh; - Kinh doanh thực phẩm chức năng	4632
38.	Bán buôn đồ uống	4633
39.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
40.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
41.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
42.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4659
44.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
45.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chẻ biên; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
47.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh; Bán buôn cao su; Bán buôn sợi dệt...;	4669
48.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà Nước cấm)	4690
49.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4711
50.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
51.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
52.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
53.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

54.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
55.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
56.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
57.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
58.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
59.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
60.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
61.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
62.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
63.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773

64.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet; - Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại;	4791
65.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyên phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
66.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
68.	Bốc xếp hàng hóa	5224
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa;	5229
71.	Lập trình máy vi tính	6201
72.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
73.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (trừ các loại Nhà nước cấm);	6209
74.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);	6311
75.	Cổng thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí);	6312
76.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
77.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

78.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy; Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: + Thiết kế kiến trúc công trình + Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – công nghiệp + Thiết kế cơ – điện công trình + Thiết kế cấp- thoát nước công trình + Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát thi công xây dựng - Tư vấn đấu thầu	7110
79.	Quảng cáo	7310
80.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
81.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
82.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch; Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); Tư vấn về nông học; Tư vấn về môi trường; Tư vấn về công nghệ.	7490
83.	Cho thuê xe có động cơ	7710
84.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển; Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển	7730
85.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
86.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
87.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
88.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
89.	Dịch vụ đóng gói	8292
90.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
91.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

92.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
93.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ; Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
94.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN MINH VÕ	P1404 – A Tòa nhà Đa Năng, Số 7 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	036084007692	
2	TRẦN NGỌC HUY	Số 11 tầng 10, Chung cư Aqua Nguyễn Văn Cừ, Phố Ngô Quyền, Phường Trần Phú, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	122121761	
3	ĐẶNG CAO SƠN	P2012, Toà 21B4, ĐN2, KĐT Thành phố Giao Lưu, 234 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	C2127727	
4	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆP	Tổ 18, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	001183013665	
5	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	Tổ 22, Cụm 3, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	033075004132	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN MINH VÕ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036084007692

Ngày cấp: 25/08/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P1404 – A Tòa nhà Đa Năng, Số 7 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P1404 – A Tòa nhà Đa Năng, Số 7 Trần Phú, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội